TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 162/2023/QĐST- VHNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 07 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 622/TLST-VHNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
1. Ông Đặng Văn A, sinh năm 1991
Hộ khẩu thường trú: 41 C, phường D, thành phố X, tỉnh Y.
Địa chỉ hiện nay: 2/7D1A đường B, phường N, thành phố X, tỉnh Y.
2. Bà Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 1992
Hộ khẩu thường trú: Xóm Z, xã L, huyện S, tỉnh Q.
Địa chỉ hiện nay: 2/7D1A đường B, phường N, thành phố X, tỉnh Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Đặng Văn A và bà Bùi Thị Ngọc M đang thực tế sinh sống tại thành phố X nên yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn của ông A và bà M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại Điều 29, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Đặng Văn A và bà Bùi Thị Ngọc M thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn A và bà Bùi Thị Ngọc M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đặng Văn A và bà Bùi Thị Ngọc M có 01 (một) con chung tên Đặng Nhật P, sinh ngày 13-9-2017. Ngoài ra ông A và bà M không có con nuôi. Theo sự thỏa thuận của ông A và bà M, giao cháu Đặng Nhật P cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Bà Bùi Thị Ngọc M không yêu cầu ông Đặng Văn A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Đặng Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Văn A và bà Bùi Thị Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông Đặng Văn A và bà Bùi Thị Ngọc M mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Ông A đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001198 và bà M đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001197 cùng ngày 29-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Y. Ông A, bà M đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Y;
- VKSND Tp.X;
- Chi cục THA DS Tp.X;
- Các đương sự;
- UBND phường 4; Tp.X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ TÊN)

Lê Thị Lương